

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Ngọc Lệ

2. Bà Trần Thị Tuyết Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thơi - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Nguyễn Kiều Bân - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1 - địa chỉ: 99 Trần Văn Kiêu, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 582/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Công M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 19/24C NVL, phường BP, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim C, sinh năm 1985;

Địa chỉ 19/24C NVL, phường BP, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Trương Công M trình bày:

Ông và bà Ngô Thị Kim C chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2010 do UBND Phường J Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/7/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ 19/24C NVL, phường BP, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với gia đình ông. Trong quá trình chung sống, đến năm 2011 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu phát sinh từ vấn đề kinh tế, mẹ ông có hỏi mượn tiền của ông để sửa chữa lại căn nhà của ba mẹ (là căn nhà tại địa chỉ 19/24C NVL) để cho vợ chồng ông cùng ở. Mặc dù sau đó mẹ ông có trả tiền đầy đủ cho ông, tuy nhiên bà C không hài lòng về vấn đề này nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, ông có kinh doanh buôn bán và giao cho bà C quản lý tài chính, nhưng ông nhận thấy quán kinh doanh không có lợi nhuận, và sau đó ông phát hiện bà C có lấy tiền đưa cho ba của bà C để cò bạc nhưng bà C không hỏi ý kiến của ông, dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau đó, ông đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong khoảng thời gian này vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm. Đến cuối năm 2025, ông có nộp đơn ly hôn với bà C, tuy nhiên, do ông muốn cho cả hai có thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã rút đơn, nhưng sau đó vợ chồng cũng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Hiện vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, bà C đi làm công ty đến 19 giờ tối mới về, còn ông làm tài xế lái xe đường dài nên cũng không thường xuyên ở nhà. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn nên ông M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị ly hôn với bà C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trương Khánh Q, sinh ngày 05/12/2010 và Trương Kim Tiền T, sinh ngày 22/5/2014. Ông đề nghị giao cả hai con chung cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ông M sẽ cấp dưỡng cho mỗi trẻ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi hai con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M xác nhận không có.

Bị đơn bà Ngô Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông Trương Công M và bà Ngô Thị Kim C đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M được ly hôn với bà C. Về con chung: giao 02 trẻ Trương Khánh Q, sinh ngày 05/12/2010 và Trương Kim Tiền T, sinh ngày 22/5/2014 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai con thành niên. Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc ông Trương Công M đề nghị ông cấp dưỡng cho mỗi trẻ là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng mỗi tháng) đến khi hai con thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: ông M xác nhận không có.

Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Trương Công M yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Kim C. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà Ngô Thị Kim C hiện cư trú tại 19/24C NVL, phường BP, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi bổ sung theo Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội), điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn ông Trương Công M có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Ngô Thị Kim C mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 04/8/2026 và 27/8/2026 nhưng bà C vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Ông Trương Công M và bà Ngô Thị Kim C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2010 ngày 29/7/2010. Như vậy, hôn nhân giữa ông M và bà C là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn ông Trương Công M trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, mẹ ông có hỏi mượn tiền của ông để sửa chữa lại căn nhà để cho vợ chồng ông cùng ở mặc dù sau đó mẹ

ông có trả tiền đầy đủ cho ông nhưng bà C không hài lòng về vấn đề này nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bên cạnh đó, bà C tự ý lấy tiền kinh doanh của hai vợ chồng đưa cho ba vợ ông để cò bạc nhưng không hề hỏi ý kiến của ông, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không thể đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông M đề nghị được ly hôn với bà C.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông M và bà C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng ông M và bà C hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ cũng như để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của bà C nhưng bà C đều vắng mặt không lý do và không thể hiện ý kiến, do vậy Tòa án không tiến hành ghi nhận lời khai, hòa giải được. Điều này chứng tỏ bà C không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng, đồng thời không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình và cố tình để mặc ông M tự giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà C đã trầm trọng, nên khả năng đoàn tụ không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trước yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà C, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Ông M xác nhận ông M và bà C chung sống có 02 (hai) con chung là trẻ Trương Khánh Q, sinh ngày 05/12/2010 và Trương Kim Tiền T, sinh ngày 22/5/2014. Khi ly hôn, ông M đề nghị giao cả hai trẻ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và đề nghị ông sẽ cấp dưỡng cho mỗi trẻ là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng mỗi tháng) đến khi hai con thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy tại bản trình bày nguyện vọng của trẻ Quỳnh và trẻ Triệu đều thể hiện trẻ Q và trẻ T từ nhỏ đến lớn do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các con có nguyện vọng sống cùng bà C, đồng thời ông M cũng đề nghị giao cả hai trẻ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ có đủ điều kiện phát triển ổn định, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông M, tiếp tục giao trẻ Q và trẻ T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Trương Khánh Q, sinh ngày 05/12/2010 và Trương Kim Tiền T, sinh ngày 22/5/2014 cho bà Ngô Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Đồng thời, ghi nhận đề nghị về mức cấp dưỡng nuôi con của ông Trương Công M đối với trẻ Q và trẻ T nên ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi trẻ mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi hai con thành niên.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Công M xác nhận không có; bà Ngô Thị Kim C vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trương Công M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng: ông M phải chịu do ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Công M.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Công M được ly hôn với bà Ngô Thị Kim C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 29/7/2010 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao trẻ Trương Khánh Quỳnh, sinh ngày 05/12/2010 và trẻ Trương Kim Tiền Triệu, sinh ngày 22/5/2014 cho bà Ngô Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ông Trương Công M có trách nhiệm cấp dưỡng cho trẻ Trương Khánh Q mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và cấp dưỡng cho trẻ Trương Kim Tiền T mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến khi con thành niên, cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2026.

Kể từ khi bà Ngô Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trương Công M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) mỗi tháng cho trẻ Trương Khánh Q và khoản tiền cấp dưỡng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) mỗi tháng cho trẻ Trương Kim Tiền T thì hàng tháng ông Trương Công M còn phải trả lãi cho bà Ngô Thị Kim C theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trương Công M xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trương Công M xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Trương Công M phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025832 ký hiệu BLTU/26E ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 và Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND P. Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đỗ Thị Thư Nhân**

